

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG PHẦN MỀM



Giảng viên : ThS. Trần Văn Thọ
E-mail : thotv@hufi.edu.vn

Chương 6: TEST SUMMARY

Test Summary Report

ThS. Trần Văn Thọ

Test Summary Report là một tài liệu quan trọng được thực hiện sau khi giai đoạn Testing được hoàn thành. Mục đích chính của report là để diễn giải các chi tiết về các hoạt động thực hiện test cho project đến các bên liên quan như customer, manager, Client...

Hàng ngày chúng ta đã có daily status report gửi tới các bên liên quan nhưng Test Summary Report cung cấp một **báo cáo tổng hợp** về việc thực hiện Test (kết quả và trạng thái) từ đầu cho đến thời điểm hiện tại của dự án.

Cấu trúc Test Summary Report

ThS. Trần Văn Thọ

1. Purpose of the document: Miêu tả ngắn gọn mục đích chuẩn tài liệu này.

Ví dụ: Tài liệu này dùng để diễn giải chi tiết và các hoạt động của việc thực hiện test cho dự án "Website quản lý đặt vé tàu hỏa trực tuyến".

Cấu trúc Test Summary Report

ThS. Trần Văn Thọ

2. Application Overview: Giới thiệu tổng quan về project đã test.

Ví dụ:

"Website quản lý đặt vé tàu hỏa trực tuyến" là một trang web dựa trên ứng dụng đặt vé tàu hỏa trực tuyến. Người dùng có thể tra cứu số lượng vé còn trống, giờ tàu chạy... và đặt vé tàu hỏa qua website. Có một số mô-đun như Registration, Booking, Payment và Report được tích hợp để thực hiện mục đích này.

Cấu trúc Test Summary Report

ThS. Trần Văn Thọ

3. Testing Scope: Phần này giải thích về các chức năng (modules) trong phạm vi & nằm ngoài phạm vi testing; Bất cứ mục nào mà không được test do bất kỳ ràng buộc / phụ thuộc / hạn chế nào.

Ví dụ:

- **In Scope:** Functional Testing cho các modul sau nằm trong phạm vi Scope of Testing
 - ✓ Registration
 - ✓ Booking
 - ✓ Payment

Cấu trúc Test Summary Report

7 ThS. Trần Văn Thọ

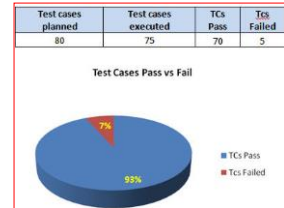
- **Out of Scope:** Performance Testing đã không được test cho ứng dụng này.
- **Items not tested:** Các thiết lập giữa hệ thống với bên thứ 3 đã không được test do hạn chế về kỹ thuật. Nó có thể được test trong quá trình thực hiện UAT (User Acceptance Testing), nơi các thiết lập đã sẵn sàng.

Cấu trúc Test Summary Report

8 ThS. Trần Văn Thọ

4. Metrics: giúp chúng ta thấy được kết quả test, trạng thái của Testcase và defects, Charts/Graphs nên được đính kèm.

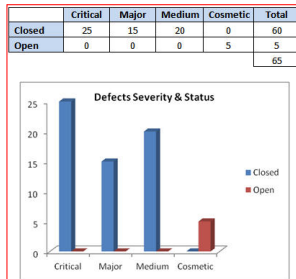
- Số lượng test cases đã viết / số lượng testcase đã test
- Số lượng test cases passed/failed



Cấu trúc Test Summary Report

9 ThS. Trần Văn Thọ

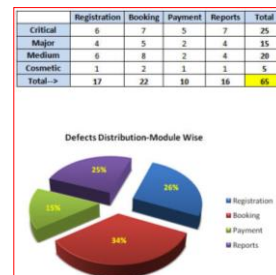
- Số lượng defects tìm ra và status, severity của defects.



Cấu trúc Test Summary Report

10 ThS. Trần Văn Thọ

- Số lượng defects trên từng module.



Cấu trúc Test Summary Report

11 ThS. Trần Văn Thọ

5. Types of testing performed: loại test được sử dụng cho project.

Ví dụ:

- ✓ Smoke Testing,
- ✓ System Integration Testing,
- ✓ Regression Testing

Cấu trúc Test Summary Report

12 ThS. Trần Văn Thọ

6. Test Environment & Tools: Cung cấp thông tin chi tiết về Test Environment như là Máy chủ, cơ sở dữ liệu, URL Ứng dụng ... hay các tools được sử dụng trong quá trình kiểm thử.

Application URL	http://abcd.2345.com
Apps Server	192.168.xxx.22
Database	Oracle 12g
HP QC/ALM	192.168.xxx.22

Cấu trúc Test Summary Report

13 ThS. Trần Văn Thọ

7. Lessons Learned: Phần này mô tả các issues đã xảy ra trong quá trình thực hiện test dự án và các giải quyết các issues đó, đưa ra các bài học rút kinh nghiệm cho dự án tiếp theo.

S. No	Issues faced	Solutions
1	Smoke testing test cases required to be executed manually each time.	Smoke test cases were automated and the scripts were run, which ran fast and saved time.
2	Initially, Few testers were not having rights to change defect status in HP QC/ALM. Test lead need to perform this task.	Rights were obtained from Client, by explaining the difficulty.

Cấu trúc Test Summary Report

14 ThS. Trần Văn Thọ

8. Recommendations: Các đề xuất hay kiến nghị

Ví dụ:

- Các Q&A thì cần phải được dịch và gửi cho khách hàng kịp thời hơn.
- Các Team leader cần review code trước khi deploy.

Cấu trúc Test Summary Report

15 ThS. Trần Văn Thọ

9. Best Practices: Ghi nhận các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm đã chứng minh được hiệu quả làm việc trong dự án (tiết kiệm thời gian), do nhóm nghiên cứu trong dự án thực hiện. Nhằm thông báo đến các bên liên quan (Manager, customer...).

Ví dụ:

- Smoke test cases đã được thực hiện tự động nên tiết kiệm được nhiều thời gian cho quá trình này.

Cấu trúc Test Summary Report

16 ThS. Trần Văn Thọ

10. Exit Criteria: Completion of Testing

Ví dụ:

- a) Tất cả các test cases nên được thực hiện – **Yes**
- b) Tất cả defects có mức độ nghiêm trọng là: Critical, Major, Medium nên được verify và close – **Yes**

Cấu trúc Test Summary Report

17 ThS. Trần Văn Thọ

11. Conclusion/Sign Off: Đây là nơi mà QA team xác nhận sản phẩm có "*Go live*" hay không dựa vào các tiêu chí ở phần Exit Criteria.

Ví dụ:

Dựa vào tiêu chí ở Exit Criteria, chúng tôi xác nhận sản phẩm đã đủ tiêu chuẩn để bàn giao cho khách hàng.

Cấu trúc Test Summary Report

18 ThS. Trần Văn Thọ

12. Definitions, Acronyms, and Abbreviations: định nghĩa các thuật ngữ viết tắt trong tài liệu này.

Cấu trúc Test Summary Report

19 ThS. Trần Văn Thọ

Kết luận: Test Summary Report là một phần chuyển giao quan trọng và nên tập trung vào việc chuẩn bị nó một cách hiệu quả, bởi vì nó sẽ được chia sẻ với manager và customer.

Sau khi thực hiện test, việc đưa ra các kết quả test, số liệu, kiến thức thực tiễn, các bài học được rút ra, kết luận là "*Can Go live*", v.v. là cực kỳ quan trọng để minh chứng việc thực hiện test và kết quả test.

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG PHẦN MỀM

20 ThS. Trần Văn Thọ

Thank for your attention!